

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 25/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Thủy điện Bá Thước 2 tại xã Điền Lư và xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước của Công ty cổ phần thủy điện Hoàng Anh - Phát Tài (nay là Công ty cổ phần thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa);

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 392/CV-HATH ngày 08/11/2024 và số 445/CV-HATH ngày 23/12/2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Thủy điện Bá Thước 2 tại xã Điền Lư và xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1975/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa, địa chỉ tại Thôn Điền Giang, xã Điền Lư, huyện Bá Thước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy thủy điện Bá Thước 2 tại xã Điền Lư và xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- Tên cơ sở: Nhà máy thủy điện Bá Thước 2.
- Địa điểm hoạt động: xã Điền Lư và xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số 2801079478, đăng ký lần đầu ngày 18/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 23/03/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/đăng ký doanh nghiệp: 2801079478

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích lưu vực 17.150 km²; Dung tích toàn bộ hồ chứa 44,18.10⁶m³, dung tích hữu ích là 12,86.10⁶m³; dung tích chết là 31,50.10⁶m³, diện tích mặt hồ ứng với MNDTB là 10,22 km².

- Công suất: 80MW (gồm 4 tổ máy, công suất thiết kế 20 MW/tổ máy).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**

(từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 01 năm 2035).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Bá Thước và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Cty CP Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Bá Thước (để theo dõi);
- UBND các xã: Điền Lư, Lương Ngoại, huyện Bá Thước (để g/sát);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại nhà máy (khu nhà vệ sinh).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại nhà quản lý vận hành và nhà ở công nhân (nước nhà vệ sinh, nhà ăn, tắm giặt).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

- Dòng số 1: Tương ứng với nguồn số 1, được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, qua bể khử trùng, sau đó thải ra môi trường. Lưu lượng nước thải 0,3 m³/ngày đêm.
- Dòng số 2: Tương ứng với nguồn số 2, được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn/bể tách dầu mỡ/bể lắng, sau đó qua thiết bị xử lý tập trung, công suất 05m³/ngày đêm. Toàn bộ nước sau xử lý dẫn về hồ thu để chứa và tận dụng tưới cây, không thải ra môi trường. Lưu lượng nước thải 4,3 m³/ngày đêm.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng số 1 được xử lý đạt QCCP sau đó thải ra môi trường (Sông Mã đoạn tại Thôn Điền Giang, xã Điền Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa).
- Dòng số 2 tận dụng tưới cây, không thải ra môi trường.

2.3. Vị trí xả thải:

- Vị trí: Dòng số 1 qua bể khử trùng, sau đó thải ra môi trường (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiều 3⁰): X:2247698 m; Y: 534023m.
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 4,6 m³/ngàyđêm (24 giờ); Trong đó, 4,3m³/ngày.đêm tận dụng tưới cây tại cơ sở và 0,3m³/ngày.đêm xả ra môi trường.

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải sinh hoạt (cột B; K= 1,2) Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn → Hồ khử trùng → Môi trường (sông Mã).

- Nguồn số 2: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; nước thải tắm, giặt và rửa tay, chân qua song chắn rác; nước nhà ăn qua bể tách dầu mỡ. Toàn bộ các nguồn nước thải trên được dẫn qua đường ống, tuyến

mương về bể lắng 02 ngăn, sau đó qua thiết bị xử lý nước thải tập trung công suất $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý. Nước sau xử lý đưa về hồ thu (05m^3) → Tưới cây, không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải của cơ sở:

- Bể tự hoại 3 ngăn: 17 bể với tổng thể tích 164m^3 .
- Bể tách dầu mỡ nhà ăn: 01 bể có thể tích 2m^3 .
- Thiết bị xử lý nước thải công suất $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Hồ thu dung tích 5m^3 (lưu chứa nước để tái sử dụng, hồ được xây thành đáy).

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ của thiết bị xử lý nước thải tập trung:

Bể thu gom + điều hòa → Ngăn xử lý thiếu khí → Ngăn xử lý hiếu khí → Thiết bị siêu lọc → Khử trùng → Hồ thu → Tưới cây.

- Công suất thiết kế: $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Chế độ vận hành: liên tục
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B, Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: không có

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành công trình XLNT theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế máy móc, thiết bị xuống cấp của các công trình XLNT, đảm bảo các công trình XLNT hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Đối với sự cố do vỡ, hỏng, rò rỉ đường ống thu gom hoặc xả nước thải sau xử lý sẽ tạm ngừng vận hành để khắc phục sự cố trong thời gian sớm nhất.
- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng vận hành các công trình XLNT để tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục kịp thời, đảm bảo nước thải sau xử lý luôn đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày có Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu tại điểm xả nước thải của thiết bị XLNT công suất $5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ ra hồ thu (lưu giữ nước tuần hoàn tái sử dụng cho tưới cây).

2.2.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình XLNT theo giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo đề xuất của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa (quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT): 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong thời gian 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.4.3, phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.4. Thu gom triệt để nước thải về hệ thống xử lý; phân tách triệt để nước mưa với nước thải và dẫn dòng về hệ thống xử lý.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tổ máy phát điện số 01; 02, 03 và 04.
- Nguồn số 02: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X = 2247740 (m); Y = 534016 (m).
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2247623 (m); Y = 534042 (m).

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy móc, thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ đã xuống cấp bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. /.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, cát, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	300
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	100
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	30
5	Ác quy chì thải	Rắn	19 06 01	20
6	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	400
7	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 01	20
8	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	3
9	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH).	Rắn	16 01 13	5
	Tổng			898

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải trôi từ thượng nguồn về lòng hồ (cành cây, lá cây, tre nứa, cây cỏ...).	24.000
2	Bùn thải từ bể tự hoại và các hệ thống XLNT sinh hoạt	2
3	Hộp chứa mực in (không chứa thành phần nguy hại)	3
	Tổng khối lượng	14.005

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	25,2
Tổng khối lượng		25,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy kim loại có nắp đậy

- Diện tích kho: 12m²

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, mái trần lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Không có

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Không bố trí khu lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt.

Chất thải sinh hoạt thu gom vào các thùng chứa theo quy định và vận chuyển đi xử lý hàng ngày sau mỗi ca làm việc. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế lưu chứa trong khu vực có diện tích 50m² trong khu vực nhà kho nhà điều hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ sông Mã phía hạ lưu đập trong quá trình vận hành Nhà máy để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do xói lở gây ra.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Định kỳ nạo vét lòng hồ chứa, dòng chảy tự nhiên, tuân thủ các quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp phát hiện khoáng sản khác ngoài vật liệu xây dựng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn, nghiêm cấm cung cấp khoáng sản ra ngoài công trình.

4. Đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Nghiêm túc tuân thủ các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện chế độ vận hành hồ chứa để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân và bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái phía hạ lưu đập; xác định ranh giới hành lang bảo vệ hồ chứa ứng với mực nước cao nhất khi có lũ kiểm tra; thông báo về dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước hạ lưu đập ứng với các chế độ vận hành của Nhà máy và cảnh báo những vấn đề nguy hiểm để nhân dân biết, phòng tránh thiệt hại.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Đền bù thiệt hại và khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.